

THANH VÀ TỤC TRONG THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

Nguyễn Quý Đại

*Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương
Hồn thơ còn hây như nương trâu ai..
Giấc mộng con của Tản Đà*

Từ thời dựng nước dân tộc Việt Nam luôn luôn có truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm dành độc lập bảo vệ quê hương, trong quá trình đó người phụ nữ cũng đã đóng góp rất đáng kể, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (40-30 trước CN) và Bà Triệu (năm 248) với những chiến tích oai hùng trong lịch sử Việt Nam. Những thế hệ kế tiếp các bậc nữ lưu cũng giúp việc nước, lo việc nhà và đã đóng góp cho lâu đài văn hóa dân tộc như các nhà thơ nổi tiếng: Đoàn Thị Điểm dịch giả Chinh Phụ Ngâm khúc của Đặng Trần Côn, Ngọc Hân công chúa với Ai Tư vấn. Lưu thị Hiền (bà Phủ Ba) Ngô Chi Lan Ý Lan Phu nhân, Huyện Thanh Quan, Sương Nguyệt Ánh..., trong đó nữ sĩ Hồ Xuân Hương ở thế kỷ thứ 18 nổi tiếng là Bà Chúa Thơ Nômⁱ

Hồ Xuân Hương và thân phận

Hồ Xuân Hương con ông Hồ Phi Diễn 胡丕演 (1703-1786)ⁱⁱ ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Ông thi đậu tú tài năm 24 tuổi triều đại Lê Bảo Thái và dạy học ở Hải Hưng, Hà Bắc. Tại đây ông đã lấy cô gái Bắc Ninh họ Hà làm vợ thứ, sinh ra Hồ Phi Mai (1772-1822), nghĩa là Hoa mai bay trên hồ, bút hiệu Xuân Hương, lúc Xuân Hương 13 tuổi thân phụ mất, bà rời làng Khán Xuân theo mẹ về làng Thọ Xương gần Hồ Hoàn Kiếm, đi học một thời gian sau đó ở nhà giúp việc. Xuân Hương tự học thêm, nhờ thông minh làm thơ hay, tiếng tăm lừng lẫy. Tổng Kinh tên tự Nguyễn Công Hòa, ở làng Tứ Xã (huyện Phong Châu, Vĩnh Phú), khi bé tên Cốc, sau này HXH gởi bài thơ „Khóc Tổng Cốc“ nên từ đó dân làng gọi ông là Tổng Cốc. Chuyện tình của bà với Tổng Cốc trở thành giai thoại, thân phụ của Xuân Hương là nhà giáo thời ấy gọi cụ Đồ Xứ, Tổng Cốc và một số chàng trai khác chiều 30 Tết mang quà biếu tết cụ



Đồ, bị Xuân Hương ra câu đối

„Tối ba mươi khép cánh càn khôn kéo nữa ma vương đưa quỷ tới“

Tổng Cốc đối lại:

„Sáng mồng một mở then tạo hoá để cho thiếu nữ rước xuân vào“

Được cụ Đồ Xứ khen hay, có thể Xuân Hương mến mộ chàng có khiếu văn chương? Tổng Cốc đã lập gia đình nhưng là người có tiếng ăn chơi, tính tình nghệ sĩ thích văn thơ cưới Xuân Hương làm thứ thiếp. Tổng Cốc yêu thương vợ làm cái nhà thủy tạ cho bà trồng coi ao cá và bảo nàng làm thơ viết vào gỗ, hiện nay tại nhà thờ của ông Kiều Phú, thôn Đại Đình, xã Sơn Dương, Phong Châu, Vĩnh Phú còn tấm ván mít ghi những nét thơ Nôm của Hồ Xuân Hương. Nhà ông Bùi Văn Thắng còn đôi bình và hai ống quyển ghi bút tích 4 câu thơ trang nghiêm của HXH, nói đến tấm gương trong trắng (như người con gái trong trắng) khi xuân hết thì thợ trời cũng chịu. Chỉ còn biết dựa vào phúc đức khi ấy hương thơm sẽ tỏa khắp muôn nơiⁱⁱⁱ.

Thảo lai bằng ngọc kính

Xuân tận hoá công hương

Độc bằng đan quế thượng

Hào phóng bích hoa hương

nghĩa

Nói đến tấm gương bằng ngọc

Hóa công cũng chịu lúc tàn xuân

Chỉ bằng lúc vin cành quế đỏ

Tha hồ hoa bích tỏa hương thơm

Xuân Hương bản tính nghệ sĩ giao tiếp rộng, không thể vượt đời sống của làng quê trọng nam khinh nữ, bởi vậy vợ chồng không tránh được việc va chạm hằng ngày trong xã hội phong kiến „Đau đớn thay phận đàn bà! Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu“. Xuân Hương bị vợ lớn ghen tương, gia đình chồng đè nén vì thân phận làm thứ thiếp. Nên bà chán ngán cảnh chồng chung bỏ nhà ra đi.

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!
Năm thì mười họa chẳng hay chớ
Một tháng đôi lần có cũng không
Cổ ấm ăn xôi, xôi lại hẩm
Cầm bằng làm mướn, mướn không công
Thân này ví biết đường này nhỉ
Thà trước thôi đành ở vậy xong*

Giáo sư John Balaban dạy đại học North Carolina ở Raleigh, cũng là nhà thơ dịch bài lấy chồng chung của Hồ Xuân Hương „Spring Essence“ the Poetry of HXH (nhà xuất bản Copper Canyon Press, 2000)

*On Sharing a Husband
Screw the fate that makes you share a man.
One cuddles under cotton blankets; the other's cold.
Every now and then, well, maybe or maybe not.
Once or twice a month, oh, it's like nothing.
You try to stick to it like a fly on rice
but the rice is rotten. You slave like the maid,
but without pay. If I had known how it would go
I think I would have lived alone.*

Chẳng riêng gì Xuân Hương, thân phận của người vợ thứ trong dân gian cũng là một nỗi buồn truyền kiếp:

*Tối tối chị giữ mát buồng
Chị cho manh chiếu nằm suông chuồng bò
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho
Đến khi chồng xuống gà o o gáy dòn...*

Hồ Xuân Hương mở quán làm kế sinh nhai, khách hâm mộ văn tài bà đến cùng xướng họa, có nhiều chuyện tình trở thành giai thoại. Xuân Hương lãng mạn, phóng khoáng bà muốn vượt qua bức tường nho giáo khắc nghiệt, nhưng không tránh được cái nghiệp tình duyên ngang trái. Xuân Hương gặp ông phủ Vĩnh Tường và làm bài thơ giả từ “*khóc Tổng Cóc*”.

*Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc ơi!
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.*

Bài „*khóc Tổng Cóc*“ gây nhiều dư luận trong văn học, những người ở làng Gáp cho rằng bài thơ đó khóc cho mối tình đầu của bà, từng khổ đau với hoàn cảnh làm vợ trong gia đình Tổng Cóc nên dùng những từ ngữ chỉ họ hàng nhà Cóc nào là nòng nọc đứt đuôi, để giễu Tổng Cóc (thơ gửi Tổng Cóc lúc còn sống chứ không phải khóc người

chết). Một lần nữa Xuân Hương lập gia đình với ông phủ Vĩnh Tường cũng làm thứ thiếp, không tránh được cảnh khổ ghen tương cay độc như Hoạn thư:

*Rằng tôi chút dạ đàn bà,
Ghen tuông, thì cũng người ta thường tình
Lòng riêng, riêng cũng kính yêu.
Chồng chung, chưa để ai chiều cho ai
Kiểu của Nguyễn Du*

Thời gian sống với ông phủ Vĩnh Tường (ở Thổ Tang, Vĩnh Phú) ông Phủ xem nàng là bạn văn chương. Nhưng số phận của Xuân Hương không được may mắn, cuộc tình ngắn ngủi hơn 2 năm sau phải khóc chồng, chồng chết là nỗi khổ đau nhất của người thiếu phụ, thương cho thân phận kẻ ở người đi. Xuân Hương buồn khổ trước cảnh nhà lạnh lẽo đơn côi, bà trang trải nỗi bi thương của mình trên những dòng thơ buồn não ruột, là tiếng nấc nghẹn ngào của người góa phụ vĩnh viễn xa chồng:

*Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!
Thiếp bèn duyên nàng có thể thôi
Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thi bốn phương trời
Cán cân tạo hoá rơi đầu mắt;
Miệng túi càn khôn thất lại rồi
Hăm bảy tháng trời là mấy chốc;
Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ơi!*

Thơ và ban đời

Các tác phẩm của bà bị thất lạc, đến nay còn lưu truyền những bài thơ chữ Nôm trong *Xuân Hương Thi Tập*, năm 1964 ông Trần Thanh Mai phát hiện thêm tập thơ chữ Hán Lưu Hương Ký 留香記 viết năm Giáp Tuất (1814). Hồ Xuân Hương là nhà thơ sử dụng chữ nôm một cách điêu luyện và sắc xảo, ít người sánh kịp. Bà thường chọn những âm khó đọc để hạ vần nói lái, nghĩa bóng thành những bài thơ rất tài tình và đầy thú vị trong đó ý thơ và tình thơ bao gồm: đạo đức, tiểu lâm, hay châm biếm, độc đáo có một không hai trong văn chương bác học. Phần xướng họa có lẫn thơ của văn nhân thời bấy giờ để lại số đề tài khúc chiết, nồng nàn yêu đương. Cổ Nguyệt Hương Đình do Xuân Hương dựng lên ở phường Khán Xuân gần Hồ Tây khu vực vườn Bách Thảo, trường Bưởi đường Cổ Ngư làng Yên Phụ. Thơ tả chân táo bạo diễn tả ý tưởng lả lơi bốn cột, vừa thanh vừa tục mà không kém phần lãng mạn. Tình yêu, tình bạn của Xuân Hương có rất nhiều nghi vấn, khó xác định cảnh đời từng trải của Xuân Hương. Các tài liệu dẫn chứng Xuân Hương giao du rộng rãi với những danh sĩ như Phạm Quí Thích (khắc và in thơ của Nguyễn Du), Nguyễn Huy Tụ (Tác giả Hoa Tiên), Nguyễn Du, Mai Sơn Phủ, Tôn Phong, Cư Đình, Trần Quang Tĩnh, và Trần Phúc Hiến, v.v. Học giả Hoàng Xuân Hãn dẫn chứng bà có 3 đời chồng, người cuối cùng là Tham hiệp trấn Trần Phúc Hiến? Trong vấn đề xướng họa thơ văn, một đối thủ của Xuân Hương được lưu lại là Chiêu Hồ tức Phạm đình Hồ (1768-1839), là tác giả Vũ Trung Tuỳ Bút, bút hiệu Chiêu Hồ, lần ông đến thăm Xuân Hương có ý sỗ sàng bị Xuân Hương chê suồng sã

*Anh đồ tình, anh đồ say
Sao anh gheo nguyệt giữa ban ngày
Này này chị bảo cho mà biết
Chốn ấy hang hùm chó mó tay..*

Hùm có nghĩa là hổ, Chiêu Hồ bị Xuân Hương chơi chữ, ông không chịu thua cọt nhả đối lại:

*Này ông đồ tỉnh, này ông đồ say,
Này ông gheo nguyệt giữa ban ngày!
Hang hùm ví bằng không ai mó,
Sao có hùm con ẵm chốc tay?*

Năm 1842 Tùng Thiện Vương ra thăm cảnh Hồ Tây có làm bài thơ viếng mộ Xuân Hương „Long Biên Trúc Chi Từ“ bản dịch ra Việt ngữ của học giả Hoàng Xuân Hãn

*Đây hồ rục rở hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng đàn
Chớ trèo qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giặt tơ vương lờ làng
Sen tàn, phấn rữa mờ hoang
Xuân Hương đã khuất bên làn cỏ xanh
U hồn say tí làm tỉnh
Gió xuân mấy độ thể tình không hay!*

Ngày nay không thể tìm mộ của bà, tuy nhiên người ta dựng bia để tưởng niệm nữ sĩ Xuân Hương

Những nét tiêu biểu trong thơ Hồ Xuân Hương

Hồ Xuân Hương trưởng thành trong giai đoạn lịch sử chiến tranh, ảnh hưởng nặng nề phong kiến “*nhất nam viết tử thập nữ viết vó*”. Đàn bà ít được đi học, ứng thí như đàn ông, may mắn học ít chữ, lấy chồng sanh con lo việc nội trợ. Xuân Hương đã tỏ ra là một thiên tài, làm thơ khẩu khí khi bà bị trượt té người ta cười, bà làm ngay hai câu thơ để chữa thẹn:

*Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài*

Hồ Xuân Hương thông minh, có tài nhưng tiếc thay sinh ra phận gái nên cái lỗi lạc của bà thành ra lãng mạn mà lấm người cho là “*lãng lơ*”! Đọc mấy câu thơ sau của bà, dửng khí như một đấng tu mi nam tử. Khi XH đi qua miếu Sầm Nghi Đống tại Loa Sơn, là tên Thái thú quân nhà Thanh thua trận thất cố chết trên cây đa ở gò Đống Đa mừng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu 1789. Người Hoa lập miếu thờ, tin đồn miếu linh thiêng nên Xuân Hương đề mấy câu thơ^{iv} :

*Ghé mắt trông nghiêng thấy bảng treo
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo
Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?*

Xã hội thời phong kiến người ta quan niệm „*trai năm thê bảy thiếp, gái chín chuyên chỉ một chồng*“ thật là bất công! vấn đề đa thê ngày nay không được chấp nhận (ngoại trừ các nước theo Hồi Giáo). Ngày xưa chồng chết vợ phải thủ tiết thờ chồng. Xuân Hương muốn phá cái phong tục thời đó, nên lúc sống với ông Phủ Vĩnh Tường, có người

góa phụ còn trẻ muốn được tái giá, làm đơn xin quan phủ xét, gặp lúc ông phủ đi vắng, Xuân Hương xem đơn và phê ngay :

*Phó cho con Nguyễn thị Đào
Nước trong loe lẻo cấm sào chờ ai?
Chữ rằng xuân bất tái lai
Cho về kiếm chút kê mai nữa già.*



Tuy nhiên có tài liệu cho giai thoại này là của bà Huyện Thanh Quang, nhưng theo nhận xét chung lối hành văn này không thể nào của bà Huyện Thanh Quang? Những bài thơ tuyệt tác của Xuân Hương được lưu truyền hậu thế. Biệt tài thơ Xuân Hương dùng chữ Việt thuần túy, không vay mượn điển tích sáo ngữ, đọc thơ hiểu được nghĩa đen và nghĩa bóng.

Bài „Ngủ quên hay ngủ ngày„ Thiếu nữ nằm nghỉ buổi trưa hè trời nóng, cơn gió nồm mát rười rượi làm nàng ngủ quên, giấc ngủ say sưa vô tình bày ra thân hình trẻ trung, mơn mớn da thịt với những đường nét tuyệt vời sống động...

*Mùa hè hây hây gió nồm đông
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng
Lược trúc chải cài trên mái tóc,
Yếm đào trễ xuống dưới nương long
Đôi gò Bồng Đảo sương còn ngậm
Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt
Đi thì cũng dờ ở không xong.*

Cái đẹp bất cứ ở đâu đều được mọi người yêu chuộng, người trần tục thấy hoa đẹp ai không muốn nhìn? Bồng Đảo, Đào Nguyên là cảnh tiên, Lạch Đào Nguyên suối hoa đào đều là cái đẹp của sự sống. Từ xưa và nay nhiều nhà phê bình bàn cãi tranh luận về thơ Xuân Hương mang tính chất dâm và tục, sinh lý bị đè nén “Libido”. Ngược lại người yêu thơ Xuân Hương thường hết lời ca tụng, xem những sáng tác của Xuân Hương kỳ diệu từ cách dùng chữ chính xác, âm điệu kỳ tài. Cái đặc điểm trong thơ Xuân Hương là tả cái tục nhưng dùng toàn chữ thanh, nếu đọc bốn 4 câu thơ sau người ta hiểu tả một ông quan võ nhưng không phải vậy.

*Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn
Ban đêm không mất sáng như đèn
Đầu đội nón da loe chớp đở
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen
tựa là “dương vật”*

Để có thể thẩm định thế đứng của nhà thơ này, nói về Văn học không thể đọc một số bài thơ rồi cho là dâm tục có quá đáng chăng? Bởi vì vấn đề Tinh Dục từ Á sang Âu thường được trình bày qua các tác phẩm văn chương, những hình vẽ, tượng điêu khắc chạm trổ trong các Cung điện, Đền đài lưu lại từ ngàn năm về trước có những nét đẹp độc đáo như thân thể đàn bà qua những đường cong tuyệt vời, bộ ngực no tròn lồ lộ dưới lớp xiêm y mỏng manh .. những tác phẩm đó thể hiện linh động nét văn hóa và sắc thái mang tính chất diễn tả về nghệ thuật. Mỗi

dân tộc văn minh có sinh hoạt văn hoá khác nhau. Nhiều sắc dân họ thờ các bộ phận sinh dục, dân tộc Chàm xây các Tháp theo hình tượng Lingam (dương vật) tình dục được nói bình thường trong sinh hoạt của con người.

So sánh Thơ Xuân Hương với thi ca bình dân tục và thanh

Xã hội bình dân xưa không thoát khỏi qui luật dục vọng cá nhân là lẽ sống con người, dục vọng tập thể là lẽ sống của xã hội. Bởi vậy ca dao được truyền tụng trong dân gian:

*Có chồng từ thuở mười lăm.
Chồng chê tôi nhỏ không nằm cùng tôi.
Đến chừng mười chín đôi mươi.*

Tôi ngủ dưới đất chàng lôi lên giường

*Một rằm thương, hai rằm thương
Có bốn cẳng giường gãy một còn ba!
Ca dao*

Đời sống con người được diễn tả qua thi ca trào lộng, vui cười vốn có trong thực tế không nói xa gần, hằng ngày người ta dùng cái điếu cày hút thuốc Lào, mỗi đóm lửa, kéo một hơi dài, nghe tiếng róc rách của nước.... Họ nhả những sợi khói từ từ và cảm thấy người bông bênh lướt nhẹ trên mây? tay mân mê xoa xoa thân điếu như người bạn thân:

*Lòng em cay đắng quanh năm
Khi ngồi, khi đứng, khi nằm nghênh ngang
Các anh các bác trong làng*

Gặp em thì lại vội vàng nâng niu

*Vắng em đau khổ trăm chiều
Tuy rằng cay đắng nhưng nhiều người mê
Ca dao*

Trạng Quỳnh với bài tạ ơn cô hàng bánh:

*Đương cơn nắng cực đói lòng thay
Thết đãi ơn cô có bụng này
Giờ biết lấy gì mà tạ lại
Xin quỳ hai gối chống hai tay*

Sinh hoạt xã hội bất kỳ ở tầng lớp nào, dục tính cá nhân vẫn len lỏi vào cuộc sống. Cái khác biệt toàn thể về bản chất không ai giống ai. Hồ Xuân Hương người trần tục nên ca tụng sinh hoạt trần tục và những niềm vui trần tục, đọc thơ Xuân Hương để tiếp nhận cái tinh thần hồn nhiên trong ca dao, tục ngữ. Tôi Không đào sâu cái „tục“ trong thơ làm đề tài chính. Thơ Xuân Hương rất sống động tài tình mang tinh hoa khác biệt, đó là một giá trị tồn tại mãi mãi trong lâu đài văn hoá dân tộc. Đọc hai bài thơ đèo Ngang và đèo Ba Đội sau để so sánh hai nữ sĩ:

*Bước tới đèo ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ (rợ) mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta
Huyện Thanh Quan*

Chúng ta cảm nhận bài thơ ấy hay nhẹ nhàng, trang nhã, bài này có 8 câu nhưng vay mượn ý của hai câu chữ Hán

*Dạ thính đồ quyền minh quốc quốc
Nhật văn cô điều khiếu gia gia*

Nghĩa là

*Đêm nghe đồ vũ kêu quốc quốc
Ngày lắng gà rừng gọi gia gia*

Hồ Xuân Hương vịnh đèo Ba Đội là một bức tranh tả chân đơn sơ nhưng sống động:

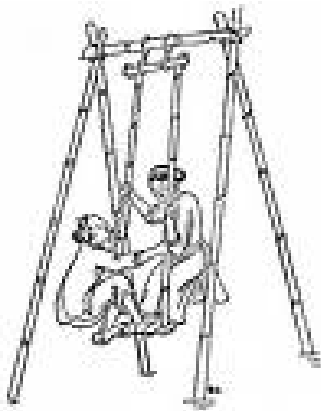
*Một đèo, một đèo lại một đèo
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo
Cửa son đỏ loét tùm hum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu
Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc*

Đầm đìa lá liễu giọt sương rơi
Hiện nhân quân tử ai là chẳng

Mỗi gói chồn chân cũng muốn trèo

Bài thơ này đọc qua đọc giả có thể nhận ra ngay đó là đèo Ba Đội, „một đèo, một đèo lại một đèo“ từ màu sắc “cửa son đỏ loét; tùm hum, xanh rì, lún phún, lắt lẻo“.. Xuân Hương đã tài tình tạo ra một bức tranh sống động từ âm thanh đến màu sắc. Nữ sĩ Xuân Hương là một nhạc sĩ tài tình, phối hợp cả âm thanh, màu sắc, không gian lẫn thời gian, tạo những nét đặc sắc thông thường ít nghe điệp âm „hôm hôm hom, toen hoئن .. trong bài vịnh hang Cốc Cốc:

*Trời đất sinh ra đá một chòm
Nứt làm đôi mảnh hôm hôm hom
Kể hằm rêu mốc trơ toen hoئن,
Luồng gió thông reo vỗ phập phòm
Giọt nước hữu tình rơi lổm bồm
Con đường vô ngạn tối om om
Khen ai khéo đá tài xuyên tạc*



Khéo hớ hênh ra lắm kẻ dòm

Giọt nước từ những thạch nhũ rơi từng giọt xuống vũng nước bên dưới lổm bồm, con đường vào hang thiếu ánh sáng. Hàng năm có Hội Chùa Thầy du khách không vào hang Cốc Cốc thì coi như chưa biết Chùa Thầy.

Xuân Hương cũng vịnh cảnh Chùa Hương Tích ở huyện Mỹ Đức Hà Đông rất linh động với cảnh trời mây non nước..vào những ngày đầu xuân, hội Chùa Hương nhộn nhịp, người tu hành thì ít, kẻ trần tục thì nhiều, muốn lên chùa phải trèo các bậc thang thì đúng hơn là đi, chen chân trong động với hương khói pha mờ mù sương.

*Người quen cõi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm...*

Bài „đánh đu“ bức tranh quê sống động tả cảnh vui xuân rộn rã, Xuân Hương khen trò chơi đánh đu hấp dẫn gợi lên niềm say mê của ngày hội, Hiện nay các làng ngoài Bắc còn duy trì trò chơi này. Nhưng ngày xuân trôi qua cột nhỏ đi rồi lỗ bỏ không, chỉ còn lại cảnh trống không hiu quạnh!

*Bốn cột khen ai khéo khéo trồng
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông
Trai đu gói hạc khom khom cật,*

*Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phát phới
Hai hàng châu ngọc duỗi song song
Chơi xuân ai biết xuân chẳng tá?
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không!*

Có thể Hồ Xuân Hương phỏng theo bài thơ trên bài *cây đánh đu vốn có trong tập Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập*

*Bốn cột lang nha ngấm để trông
À thì đánh cái à còn ngong
Tế hậu thỏ khom khom cật,
Vái hoàng thiên ngửa ngửa lòng
Tám bức quần hồng bay phát phới,
Hai hàng châu ngọc đứng song song
Chơi xuân hết tác xuân dường ấy
Nhỏ cột đem về để lỗ không.*

Chơi đánh đu, khi chàng trai nhún đu cô gái trong tư thế tay nắm chặt, chân duỗi thẳng cho dễ bay bổng. Khi độ cao giảm đến lượt cô gái nhún, chàng trai lại chờ đón..tất cả phải nhịp nhàng, khoẻ mà mềm mại bay cao ung dung, vẻ đẹp càng hiện rõ hình thể bên ngoài gối hạc, lưng ong, ngửa ngửa lòng, phát phới, song song. Xuân Hương khéo dùng điệp khúc. Trong ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức không khi nào gặp cách dùng chữ như trong văn chương Việt Nam. Chúng ta thử đọc các bài dịch đối chiếu thi sĩ Balaban có thể dịch cảnh thu, nhưng khó chuyển dịch được hơi thu!

Cảnh thu

*Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ.
Xanh om cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ.
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Ơ hay, cảnh cũng ưà người nhỉ,
Ai thấy, ai mà chẳng ngẩn ngơ.*

Autumn Landscape

*Drop by drop rain slaps the banana leaves.
Praise whoever sketched this desolate scene:
the lush, dark canopies of the gnarled trees,
the long river, sliding smooth and white.
I lift my wine flask, drunk with rivers and hills.
My backpack, breathing moonlight, sags with poems.
Look, and love everyone.
Whoever sees this landscape is stunned.*

From Spring Essence the poetry of HXH

Qua ca dao có nhiều bài truyền tụng nghe rất là „tục“ như vịnh cái quạt:



*Rành rành ba góc rành rành
Khi khép nhỏ lại, khi vành to ra
Khi vui thì sượng thay là
Khi buồn thì nước chảy ra rì rì..*

Hồ Xuân Hương tả cái quạt duyên dáng hơn, có tính cách tương tự như ca dao tục ngữ hài hước, tả cái quạt có nhiều nan, mỗi nan quạt có một cái lỗ, cây kim xuyên các nan quạt vào. Sau đó bồi bằng giấy có thể xếp lại và xòe ra quạt cho mát, mưa sa nhẹ hạt có thể che đầu, lúc xếp quạt lại

những nếp giấy chồng lên vẫn còn thừa. Xuân Hương tả cái quạt chỉ tám câu thơ bút pháp thật sinh động:

*Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa
Duyên em dính dáng tự bao giờ
Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa
Mát mặt anh hùng khi nắng gió,
Che đầu quân tử lúc sa mưa
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng
Phỉ phạch trong lòng đã sương chưa ...*

Thời xưa mỗi gia đình ở thôn quê, thường trồng cây bông, nuôi tằm, ươm tơ, làm lụa tự dệt vải may áo quần. Ban ngày làm việc đồng áng, đêm về dệt vải với dụng cụ đơn giản cái khung cửi, hai ống trục, một bộ go, hai cái lược, một đôi guốc, con suốt, con thoi (con cò bằng gỗ). Xuân Hương tả cô gái dệt vải vào đêm; muốn vải phẩm chất tốt phải ngâm lâu, ba mùa thu cũng không bị phai màu.

*Thắp đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thâu
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc
Một suốt đăm ngang thích thích mau
Rộng hẹp nhỏ to vừa vận cá
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Chờ đến ba thu mới dải màu*

Chùa Quán Sứ được xây dựng từ thế kỷ thứ 17, nằm ở phố cũng mang tên Quán Sứ Hà Nội. Dân tộc Việt Nam ảnh hưởng Phật giáo dưới thời nhà Lý rất hưng thịnh, Phật, Pháp màu nhiệm không thay đổi, nhưng trong cõi đời này không thiếu những kẻ “mặt tăng” lợi dụng cửa Chùa rộng mở, cạo đầu núp dưới lớp áo cà sa để buôn thần, bán thánh... làm những việc trái với giáo lý nhà Phật. Xuân Hương không chống phá đạo Phật, dùng thơ văn để dẫn dắt với tăng giả, hay sư hổ mang như trong ca dao:

*Ba cô đội gạo lên Chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư,
Ôm lẩn, ôm lóc nên sư trọc đầu
Ai làm cho dạ sư sâu,
Cho ruột sư héo, cho bầu đứt dây!*

Cảnh chùa Quán Sứ thời loạn làm cho Xuân Hương nghi ngờ người đã xuất gia, tu lâu năm lên làm “Sư Cụ” như “phiến đá vĩ đại” bao che đê tử gây nên nghiệp chướng, không lo làm tròn phận sự tụng kinh gõ mõ, bỏ cảnh chùa vắng teo.

*Quán sứ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm sư cụ đáo nơi nao
Chày kinh, (1) tiểu để suông không đấm
Tràng hạt, vải lẩn đếm lại đeo
Sáng banh không kẻ khua tang mít (2)
Trưa trật nào ai móc kẻ rêu
Cha kiếp đường tu sao lắt léo
Cảnh buồn thêm chán nợ tình đeo*

hay sư hổ mang

.....
*Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe
Giọng hi, giọng hỉ, giọng hi ha
Tu lâu có lẽ lên Sư cụ
Ngất ngẫu toà sen nợ đó mà*

(1) chày tạc hình con cá kinh bằng gỗ, thay cho cái dùi đánh chuông. (2) Tang trống làm bằng gỗ mít

Nói chung người Phật tử chân chính phải bực mình khi đến Chùa không có thầy trụ trì hướng dẫn về phần tâm linh, Sư dĩ gây phiền não cho bá tánh, dù ở bất cứ thời đại nào cũng không thể chấp nhận việc làm vô ý thức đó.

Người đời nhớ Xuân Hương ở tiếng cười phá phách, nhưng trong lòng Xuân Hương mang nặng những niềm đau, khối tình nặng như đá, với những tâm sự thể thái nhân tình làm rung động, se thắt lòng người:

Gan nghĩ giải ra cùng nhật nguyệt

Khối tình cọ mãi với non sông

*Đá kia còn biết xuân già dạn
Chả trách người ta lúc trẻ trung
(Đá ông chồng, đá bà chồng)*

hoặc qua bài tình tự

*Canh khuya vắng vắng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn!
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Xuân Hương vịnh bánh trôi nước, thức ăn quen thuộc của người bình dân. Thân em ở đây (Xuân Hương) hay là thân phận đàn bà dưới thời phong kiến lắm lận đận, nhiều long đong? nhưng tấm lòng nàng vẫn giữ sắt son:

*Thân em trắng phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Lớn nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son*

Thơ Hồ Xuân Hương có phong cách riêng, tiêu biểu cho thái độ tự nhiên, tình cảm tràn đầy trong sáng, thơ bà rất bình dân, duyên dáng giàu khả năng gợi cảm, gợi tình, chứa chan tình tự và cảm khoái, không dùng hán tự điển tích. Bà có biệt tài sử dụng điệp khúc, âm điệu, tiết tấu thích hợp với từng ý, từng hoàn cảnh. Dù muốn chê hay khen, đọc thơ Xuân Hương ta cảm thấy cái vui vui xen lẫn vào hồn, cái hay trong thơ Xuân Hương rất tuyệt vời và phong phú, nhưng bài viết giới hạn, tôi không thể trình bày và trích giải hết được..Hồ Xuân Hương là nhà thơ độc đáo có một không hai trong văn học sử Việt Nam.

Tài liệu đọc thêm :

Nghĩ về thơ HXH.của Gs Lê Trí Viễn, Ng Đức Quỳnh...

Hồ Xuân Hương toàn tập giáo sư Ngô Lăng Vân

Nhà Tây Sơn Trần Gia Phụng NxB Non Nước Toronto 2005

Hình trên Internet.

ⁱ Chữ Nôm có vai trò nổi bật trong sáng tác văn chương. Mặc dù văn nhân, thi sĩ mọi thời đều đã dùng chữ Hán làm thơ, viết truyện, nhưng chỉ có với chữ Nôm, người Việt mới tạo nên những tác phẩm bất hủ. Tập thơ Nôm có niên đại sớm nhất còn lưu truyền là Quốc âm Thi tập của Nguyễn Trãi (1380 - 1420) sau đó là Bạch vân Am quốc ngữ thi của Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Văn học Việt nam qua các thời đại, chữ Hán các tiền nhân viết những tập truyện ngắn và tiểu thuyết văn xuôi, còn với chữ Nôm gần như các cụ chỉ làm thơ Sở trường và thành công bằng hai thể thơ giàu dân tộc tính này, vào cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XIX Văn học cổ điển Việt Nam có những tác phẩm xuất sắc khiến thế giới phải biết đến là Chinh phụ Ngâm khúc của Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748); Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) của Nguyễn Du (1766 -1820). Chúng ta còn các tên tuổi sáng giá khác nữa

từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX như: Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái, đặc biệt thơ của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương v.v. ..Chính nhờ ở những tác giả này, tiếng Việt hấp thụ hai nguồn văn tự là chữ Hán và văn tự văn hóa dân gian, chữ Nôm để trở thành một ngôn ngữ văn học sáng chói và giàu sức diễn đạt

ⁱⁱ Hồ Sĩ Anh đời nhà Lê sinh bốn người con trai: Hồ Thế Viêm, Hồ Phi Quyền, Hồ Phi Cơ, ông Hồ Phi Tích (1665-1734) đậu Hoàng giáp năm 1700). Hồ Thế Viêm là ông Tổ bốn đời của anh em nhà Tây Sơn đã đổi từ họ Hồ sang Nguyễn, còn Hồ Phi Cơ là ông tổ bốn đời của Hồ Phi Mai tức nữ sĩ Xuân Hương. (Phi Cơ, Phi Da, Phi Diễm, Phi Mai). Như vậy Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Hồ Xuân Hương là anh em cùng họ ông tổ Hồ Sĩ Anh (nhà văn Trần Gia Phụng tác phẩm Nhà Tây Sơn trang 43. Nxb Non Nước Toronto 2005)

ⁱⁱⁱ Hồ Xuân Hương thơ và đời Nxb Văn học sđd trang 221

^{iv} Trận này quân Thanh thiệt hại nặng nề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Tiểu Long, Thượng Dục Thanh đều tử trận. Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy quên mang theo ấn quân, sắc thư, cờ tiết... hơn 10.000 quân Thanh tử trận (Việt Sử đại cương tập 2 trang 361, nhà văn Trần Gia Phụng Nxb Toronto 2006.